

## HƯỚNG DẪN

**Đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành các tiêu chí: 17.2; 17.3; 17.5; 17.7; 17.9 thuộc Tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020**

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới;

Căn cứ Công văn số 1290/TCMT-KSON ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tổng cục Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hướng dẫn đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành các tiêu chí: 17.2; 17.3; 17.5; 17.7; 17.9 thuộc Tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn năm 2017 – 2020 với những nội dung cụ thể như sau:

**1. Tiêu chí 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, hỗ trợ).**

### **1.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định.**

Để đạt được tiêu chí này 100% cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã phải đảm bảo các điều kiện sau:

#### **a) Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm:**

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ tương đương.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác, Giấy phép xả thải nước thải vào nguồn nước và các giấy phép có liên quan trong trường hợp thuộc các đối tượng quy định tại các văn bản pháp luật;

- Phương án bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Chương V Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**b) Có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:** Cơ sở thực hiện phân loại, thu gom và xử lý chất thải (nước thải, khí thải và chất thải rắn) và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường; nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã cam kết tại các hồ sơ nêu trên và theo quy định của pháp luật.

**c) Cơ sở nuôi trồng thủy sản:** Ngoài việc thực hiện các nội dung trên còn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nằm trong quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Không xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển;

- Không khai phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

**d) Các làng nghề trên địa bàn:** Phải đảm bảo:

- Thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án bảo vệ môi trường cho các làng nghề trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và bố trí nguồn lực thực hiện theo quy định (**Đính kèm Phụ lục 1**).

**1.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định đạt tiêu chí gồm:**

- Biên bản của xã về rà soát, đánh giá tiêu chí trong đó đánh giá cụ thể tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã, tỉ lệ phân trăm số cơ sở/làng nghề đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thống kê danh sách cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã (**Đính kèm Phụ lục 2**).

- Quyết định phê duyệt phương án BVMT làng nghề (đối với xã có làng nghề).

**2. Tiêu chí 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ).**

**2.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định.**

Để đạt tiêu chí này, các khu dân cư, khu vực công cộng và mỗi hộ gia đình phải thực hiện đảm bảo những việc sau:

- Tăng cường trồng cây xanh (*bao gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, hoa và thảm cỏ,...*) dọc các tuyến đường trong xã, ấp, các nơi công cộng như trụ sở xã, trường học, trạm y tế, chợ,... Diện tích trồng cây xanh phải đảm bảo bằng hoặc lớn hơn  $2m^2$ /người.

- Các tuyến đường trong xã, ấp đã được bê tông hoá hoặc rải đá cấp phối, đảm bảo không lầy lội khi có mưa.

- Trên 70% số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh và phải được cắt tỉa gọn gàng không gây cản trở giao thông.

- Thường xuyên thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ, phát quang bụi rậm, khơi thông kênh rạch; đường làng ngõ xóm sạch sẽ và các hộ gia đình giữ gìn vệ sinh chung trong xã.

- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, kênh, rạch,...) không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

## **2.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định đạt tiêu chí gồm:**

Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của tiêu chí 17.3 trong đó đánh giá xã có cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

**3. Tiêu chí 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định (Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng hướng dẫn, hỗ trợ).**

### **3.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định.**

#### **a) Về chất thải rắn:**

- Xây dựng phương án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh (*Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; Chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển; Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư; Vị trí các điểm trung chuyển; Phương án chôn lấp chất thải rắn hữu cơ tại các hộ gia đình (nếu có).*)

- Các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, **không được đổ chất thải ra đường, ao hồ, kênh rạch,...**

- Chất thải rắn nông nghiệp: Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT; không để xảy ra tình trạng vứt, thải bừa bãi ra môi trường, đặc biệt là tại các khu vực trồng trọt, các nguồn nước kinh, rạch, sông, hồ (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, hỗ trợ*).

- Phân loại, phân định, thu gom riêng, cách ly phù hợp toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh (*đặc biệt là chất thải nguy hại phát sinh từ làng nghề gia công cơ, kim khí, tái chế phế liệu,...*) trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải rắn y tế: Phải được phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT (*Sở Y tế hướng dẫn, hỗ trợ*).

#### **b) Về nước thải:**

- Mỗi khu dân cư tập trung của ấp, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, có điểm thu gom và xử lý nước thải phù hợp trước khi thải ra kênh, muông, sông, rạch, hồ, ao; **không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng**; Thu gom được lượng nước thải phát sinh từ 80% các hộ, cơ sở trên địa bàn.

- Đối với khu vực không thể xây dựng hệ thống tiêu thoát nước tập trung (*do địa hình khó khăn*), hộ gia đình phải có công trình thu gom và xử lý nước thải như bể tự hoại hoặc hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường. **Nước thải hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng.**

- Đối với nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh: thực hiện theo quy định tại tiêu chuẩn chỉ 17.2 và 17.7.

**c) Có hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường:** Hương ước, quy ước có nội dung về bảo vệ môi trường đối với từng khu dân cư với sự tham gia của tất cả các hộ gia đình, cơ sở trên địa bàn cam kết thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường và quy định của địa phương đối với chất thải rắn, nước thải (**Đính kèm Phụ lục 3**).

### **3.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định đạt tiêu chuẩn chỉ gồm:**

Biên bản của xã về rà soát, đánh giá tiêu chuẩn chỉ bao gồm 2 nội dung: đánh giá công tác thu gom, xử lý nước thải và đánh giá công tác xử lý chất thải rắn trên địa bàn xã.

- Quyết định của UBND huyện phê duyệt Hương ước, Quy ước.

- Bảng báo cáo tình hình quản lý chất thải rắn, nước thải trên địa bàn xã (**Đính kèm Phụ lục 4**).

### **4. Tiêu chuẩn chỉ 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ)**

**4.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định:** Xã đạt tiêu chuẩn chỉ số 17.7 phải có tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường từ 70% trở lên/tổng số hộ có chăn nuôi toàn xã; các cơ sở, hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi phải đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước, cụ thể:

+ Phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m; cuối hướng gió và phải có hố chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Đối với chăn nuôi heo: Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 01km (QCVN 01-14:2010/BNNPTNT).

+ Đối với chăn nuôi gia súc lớn (*trâu, bò, dê, ngựa*): Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 200m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 500m (TCVN 9121:2012).

+ Đối với chăn nuôi gia cầm: Cơ sở chăn nuôi gia cầm phải xây dựng cách biệt, cách xa bệnh viện, trường học, chợ, công sở và khu dân cư đông người và đường giao thông liên tỉnh, liên huyện ít nhất 100m (QCVN 01-15:2010/BNNPTNT).

- Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.

- Không phát sinh mùi hôi thối khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Có đủ hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định.

- Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT; không để chất thải chăn nuôi chưa xử lý xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

#### **4.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định xã đạt tiêu chí gồm:**

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt tiêu chí kèm theo Bảng tổng hợp hiện trạng các cơ sở chăn nuôi, hộ gia đình trên địa bàn xã (*Đính kèm Phụ lục 5*).

**5. Tiêu chí 17.9. Tất cả các cơ quan, tổ chức (công lập và dân lập) đóng trên địa bàn xã phải đảm bảo xanh – sạch – đẹp (trồng cây xanh, thường xuyên vệ sinh, thu gom rác thải,...)** (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ).

**5.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định:** Xã đạt tiêu chí số 17.9 khi các cơ quan, đơn vị, tổ chức (*gọi tắt là cơ quan*) đóng trên địa bàn xã thường xuyên, định kỳ hàng tuần thực hiện tổng vệ sinh, thu gom rác thải, trồng cây xanh, cây cảnh,...đảm bảo môi trường khu vực xung quanh cơ quan xanh – sạch – đẹp.

#### **5.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định đạt tiêu chí gồm:**

Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của tiêu chí 17.9 trong đó đánh giá công tác vệ sinh môi trường các cơ quan đóng trên địa bàn xã đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành các tiêu chí: 17.2; 17.3; 17.5; 17.7; 17.9 thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn từ năm 2017 – 2020.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính gửi Quý cơ quan để biết và thực hiện đúng quy định.

Trân trọng kính gửi./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thị xã (chỉ đạo);
- Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM các huyện, thị xã;
- Các Sở: NN&PTNT, Y tế, Xây dựng (p/h);
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- BLĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng TNMT các huyện, TX;
- Các xã đăng ký NTM năm 2017;
- Lưu: VT, MT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lư Phước Hiệp**

**Phụ lục 1**

**MẪU PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ**

*(kèm theo Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

(ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...)  
(ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...)

**PHƯƠNG ÁN  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ ... (1) ...  
tại xã... huyện... tỉnh...**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...  
(Chủ tịch UBND xã ký, ghi họ tên,  
đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN...  
(Người đại diện có thẩm quyền ký,  
ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), Tháng... năm...

*Ghi chú:*

*(1) Tên đầy đủ, chính xác của làng nghề lập phương án.*



# CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ LÀNG NGHỀ

## 1.1. Tên làng nghề

Nêu đầy đủ, chính xác tên làng nghề lập phương án.

## 1.2. Thông tin chung

- Địa chỉ làng nghề: nêu rõ thuộc xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nào.
- Mô tả vị trí địa lý của làng nghề: nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên; tọa độ các điểm khống chế vị trí của làng nghề kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí các điểm khống chế đó.
- Mô tả sơ bộ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có khả năng bị ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất của làng nghề (sông suối, hồ ao, dân cư...).
- Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải làng nghề: tên nguồn, mục đích sử dụng.
- Nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất (giếng khoan, nước khai thác bề mặt, nước cấp).
- Bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của làng nghề và các đối tượng xung quanh như đã mô tả (nếu có).

## 1.3. Quy mô sản xuất

- Loại hình sản xuất: loại hình sản xuất chính, các loại hình khác (nếu có).
- Số cơ sở sản xuất/tổng số hộ trong làng nghề (đối với các làng đa nghề thì thống kê theo từng loại ngành nghề). Lập danh mục cụ thể đính kèm.
- Sản phẩm sản xuất: liệt kê các sản phẩm chính sản xuất của làng nghề; tổng số sản phẩm chính sản xuất/ngày.

# CHƯƠNG 2. TÌNH TRẠNG PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ THỰC HIỆN

## 2.1. Phát sinh chất thải của làng nghề

- Sinh hoạt:
  - + Nước thải: tổng lượng trung bình phát sinh ( $m^3$ /ngày);
  - + Chất thải rắn: tổng lượng phát sinh (kg/ngày).
- Sản xuất:
  - + Nước thải: tổng lượng phát sinh ( $m^3$ /ngày, tính vào thời điểm sản xuất cao nhất);
  - + Chất thải rắn nguy hại và thông thường: tổng lượng phát sinh (kg/ngày);
  - + Mô tả hoạt động phát sinh khí thải: mức độ phát thải (định tính/định lượng nếu có);
- Đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường xung quanh (đất, nước, không khí) và tác động tới sức khỏe cộng đồng.

## 2.2. Các hoạt động bảo vệ môi trường đã thực hiện

- Mô tả hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải (nếu có) tại làng nghề.
- Biện pháp thu gom chất thải rắn hiện nay, phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại của làng nghề.
- Biện pháp, công trình xử lý khí thải.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.
- Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn; phí vệ sinh môi trường.
- Kinh phí phân bổ thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề.
- Thành lập và vận hành tổ tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề (số lượng nhân sự, cơ chế vận hành).
- Tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm, nạo vét kênh mương.
- Việc đưa nội dung về bảo vệ môi trường làng nghề vào hương ước, quy ước.
- Đánh giá hiệu quả thực hiện của các biện pháp nêu trên và so sánh với quy định hiện hành.

### **CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **3.1. Kế hoạch quản lý các cơ sở sản xuất trong làng nghề (theo báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường, các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở)**

- Các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I Nghị định số 19/2015/NĐ-CP thực hiện theo báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Các cơ sở không thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề thực hiện quy định tại Chương IV Thông tư này hoặc tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **3.2. Thu gom và xử lý chất thải**

##### *3.2.1. Đối với nước thải*

- Đối với các làng nghề đã có công trình thu gom, xử lý (nếu có) chất thải tại mục 2.2, đề nghị hoàn thiện cải tạo, nâng cấp đảm bảo thu gom, xử lý nước thải các cơ sở trên địa bàn.
- Kế hoạch vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải.

##### *3.2.2. Đối với chất thải rắn (tương tự nước thải)*

##### *3.2.3. Biện pháp kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động*

#### **3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro**

##### *3.3.1. Đối với an toàn lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề*

- Trang bị bảo hộ lao động; kiến thức về phòng, chống sự cố cháy nổ cho nhân công lao động làm việc trực tiếp tại khu vực sản xuất.
- Bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật đảm bảo vận hành an toàn, đúng kỹ thuật.

##### *3.3.2. Đối với an toàn môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề*

- Đối với các công đoạn có khả năng xảy ra sự cố cao như lò hơi, hóa chất, lò nung... phải có thiết bị bảo vệ, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố.
- Bố trí các thiết bị, máy móc tại nơi làm việc đảm bảo an toàn người lao động, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra.

## CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

### 4.1. Kinh phí thực hiện

Nêu rõ việc bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

### 4.2. Phân công trách nhiệm

- Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất tại làng nghề.
- Trách nhiệm của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề.
- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã.

## KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

### 1. Kết luận

Phải kết luận rõ:

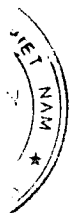
- Đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải và tính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội.
- Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động sản xuất của làng nghề.

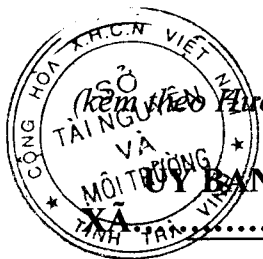
### 2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

### 3. Cam kết

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề.
- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến làng nghề, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
- Cam kết theo dõi và thực hiện đúng các quy định về xử phạt các cơ sở sản xuất trong làng nghề nếu để xảy ra các sự cố.





**Phụ lục 2**

Hướng dẫn số 05 /HD-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bảng thống kê danh sách cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề**  
**(Tính đến ngày ..... tháng ..... năm .....)**

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ (ấp...)	Tên chủ đầu tư	Ngành nghề SXKDDV	Thủ tục pháp lý về môi trường (QĐ/số giấy xác nhận, ngày cấp, CQ cấp ...)	Các công trình, biện pháp BVMT
1	2	3	4	5	6	7
1	Cơ sở A	Ấp A	Trần Văn A	Sản xuất nước đá	<i>Vi dụ: Quyết định số 113/ QĐ-UBND , ngày 10/10/2010 của...</i>	
1	Cơ sở B	Ấp B	Trần Thị H	Sản xuất chăn nuôi heo	<i>Vi dụ: Giấy xác nhận số 12/GXN-UBND, ngày 10/2/2016 của .....</i>	

**Ghi chú:**

- Cột 6: “**Thủ tục pháp lý về môi trường**”: Liệt kê rõ hồ sơ môi trường cơ sở được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận như: số Quyết định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc đơn giản.
- Cột 7: **Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường** như: Hầm Biogas, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải,...

**Lập bảng**

**UBND xã.....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

### Phụ lục 3

## Mẫu quy ước bảo vệ môi trường của xã

(kèm theo Hướng dẫn số 05 /HD-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## QUY ƯỚC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### CỦA XÃ ....., HUYỆN .....

(Ban hành kèm theo Quyết định số.....)

Quy ước Bảo vệ môi trường là một dạng cam kết của cộng đồng về bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy nhân dân địa phương tích cực xây dựng xóm ấp ngày càng khang trang, xanh - sạch - đẹp, khuyến khích những việc làm tốt, có lợi, ngăn chặn, xóa bỏ những việc làm xấu, những hủ tục lạc hậu mất vệ sinh, ảnh hưởng không tốt đối với môi trường... Quy ước Bảo vệ môi trường được địa phương xây dựng trên cơ sở các hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và phong tục tập quán của từng nơi.

(Nội dung phần này nêu khái quát đặc điểm về địa lý, dân số, lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp, hoạt động kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của xã.

**Mục tiêu:** Nhân dân trong địa bàn xã..... huyện ..... từ người lớn tuổi đến trẻ em được sống trong môi trường trong lành, sạch đẹp, an toàn. Được tiếp nhận, cập nhật các thông tin về bảo vệ môi trường.

Nay, xã .....xây dựng Quy ước để toàn thể nhân dân thực hiện như sau:

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy ước này chỉ áp dụng trên địa bàn xã.....về các chuẩn mực ứng xử của các hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt, phát triển kinh tế - xã hội gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường.

Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các hộ gia đình, tập thể, cá nhân trên địa bàn xã..... phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường 2014, Luật bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,....

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đang sinh sống và làm việc trong địa bàn xã ..... không phân biệt giới tính, trình độ học vấn, dân tộc, tôn giáo, độ tuổi cần phải chấp hành nghiêm các điều khoản quy định trong Quy ước này.

### Chương II

#### NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN

#### Điều 3. Quy định về xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn

1. Không có hành vi xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan; hồ ao, kênh mương, bờ đê, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng phải được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ.

2. Mỗi gia đình nên có một hố rác, tập kết rác để ủ phân hữu cơ (nếu có) hoặc dùng biện pháp thiêu đốt rác, không được vứt rác bừa bãi ra khu vực công cộng, ao, hồ, kênh, rạch.

3. Tất cả các cơ quan, tổ chức (công lập và dân lập) đóng trên địa bàn xã phải đảm bảo xanh - sạch - đẹp (trồng cây xanh, thường xuyên vệ sinh thu gom rác thải,...).

4. Khu vực sinh sống phải đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ; từng hộ gia đình phải có công trình vệ sinh riêng, hố xí hợp vệ sinh, kín đáo, sạch sẽ.

5. Sử dụng các nguồn nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh, mỗi hộ gia đình phải có rãnh thoát nước mặt, không để nước tồn đọng và chảy tràn qua khu vực lân cận.

6. Không tự ý đốt rác chứa chất thải độc hại hoặc các chất nguy hiểm khác ở nơi công cộng, khu vực có dân cư sinh sống.

7. Không được khạc nhổ, đổ, xả, ném chất thải, nước thải làm hoen bẩn nhà ở, cơ quan, nơi sản xuất, kinh doanh, khu công cộng của người khác.

8. Xác chết động vật phải được chôn, lấp đất cẩn thận không được vứt bừa bãi, hạn chế vật nuôi, gia súc, gia cầm phóng uế ở lối đi chung, nơi công cộng làm ô nhiễm môi trường, gây mất mỹ quan.

#### **Điều 4. Quy định về bảo đảm sự yên tĩnh chung**

1. Không gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo nơi công cộng, khu vực dân cư đang sinh sống trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

2. Không được sử dụng loa phóng thanh, trống, còi, kèn hoặc các phương tiện cổ động ở nơi công cộng nếu chưa được sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 5. Quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản**

1. Thực hiện nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật: đúng loại, đúng liều, đúng lúc, đúng cách. Không thải bỏ vỏ, chai thuốc BVTV gần nguồn nước mặt, gần khu vực có dân cư sinh sống.

2. Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng nhiều phải có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh và cách xa khu vực dân cư đang sinh sống; Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.

3. Dụng cụ, bao bì đựng nông dược, thuốc thú y, thủy sản sau khi sử dụng phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

4. Không buôn bán, sử dụng nông dược, thuốc thú y, thủy sản đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép của Nhà nước.

#### **Điều 6. Khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên**

1. Khai thác, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả nguồn nước dưới đất trong sinh hoạt và trong sản xuất.

2. Trám lấp các giếng không sử dụng để tránh ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

3. Không phát tán, nhân giống, nuôi trồng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

4. Không sử dụng thuốc nổ, xung điện hoặc các phương tiện có hại để đánh bắt thủy hải sản trong tự nhiên.

#### **Điều 7. An toàn thực phẩm**

100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định và đảm bảo an toàn thực phẩm và 100% phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

### Chương III KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 8. Khen thưởng**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, thực hiện hoặc phát hiện và báo cáo kịp thời khi thấy các dấu hiệu vi phạm Quy ước này thì được ghi nhận và công nhận công lao, thành tích vào sổ khen thưởng, được nêu gương người tốt việc tốt trong các cuộc họp dân, được bình xét công nhận gia đình văn hóa; được công nhận các hình thức khen thưởng khác do cộng đồng tự thỏa thuận hoặc được đề nghị các cấp chính quyền khen thưởng theo quy định của địa phương.

#### **Điều 9. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào vi phạm một trong các điều khoản trong Quy ước này, tùy theo mức độ vi phạm mà có các hình thức xử lý sau đây:

1. Vi phạm lần đầu với các lỗi nhẹ thì bị phê bình, nhắc nhở trước cuộc họp toàn thể nhân dân trong khu vực xã.

2. Vi phạm lần thứ 2 trở lên hoặc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thì dựa trên cơ sở thảo luận thống nhất trong tập thể cộng đồng để kiểm điểm tại tổ chức, đoàn thể mà người đó đang sinh hoạt, kiểm điểm trước hội nghị nhân dân; không được bình xét công nhận “Gia đình văn hóa nông thôn mới” trong 2 năm.

3. Việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm trong Quy ước này không thay thế các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

### Chương IV

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy ước này thể hiện ý chí của toàn thể nhân dân xã ....., huyện ....., được toàn thể nhân dân thống nhất thông qua và đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện, Quy ước sẽ được sửa đổi, bổ sung khi nội dung không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội cũng như nguyện vọng của nhân dân.

3. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quy ước do toàn thể nhân dân thảo luận thống nhất, sau đó trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

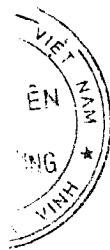
4. Toàn thể nhân dân trong xã có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy ước này ./.

**UBND HUYỆN.....**

*(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

**UBND XÃ.....**

*(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)*





ỦY BAN NHÂN DÂN  
 XÃ.....

**Phụ lục 4**

Hướng dẫn số 05 /HD-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm.....

**Báo cáo tình hình xử lý chất thải rắn, nước thải**

STT	Nội dung	Đánh giá, kết quả
1	<b>Bãi rác xã</b>	
	Địa chỉ	Ấp, xã
	Tình trạng	Ví dụ: Tự phát, hay theo quy hoạch
	Khoảng cách đến khu dân cư gần nhất	
2	<b>Xã có thực hiện thu gom, vận chuyển rác (VCR)</b>	
	Tên đơn vị thu gom, VCR	
	Tần suất thu gom (số ngày/1 lần)	
	Phương tiện thu gom	
	Công nghệ xử lý rác	Ví dụ: Thu gom về bãi rác tập trung; chôn lấp; đốt,...
3	<b>Xã chưa có thực hiện thu gom, vận chuyển rác (VCR)</b>	
	Hình thức xử lý rác thải	Ví dụ: Chính quyền hướng dẫn hộ dân đào hố thu gom rác; đốt rác; chôn lấp; ủ phân hữu cơ
	Hộ dân có đổ chất thải ra đường, sông rạch, ao, hồ	Có /không
4	<b>Hình thức thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV</b>	Hố thu gom
5	<b>Khu dân cư tập trung của ấp, xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải</b>	Có /không
	Tỷ lệ thu gom lượng nước thải phát sinh từ các hộ gia đình, cơ sở trên địa bàn (%)	
	Trên địa bàn xã có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng	Có /không
	Tỷ lệ hộ gia đình có công trình thu gom và xử lý nước thải (bể tự hoại, hố ga lắng cặn) (%)	
	Nước thải hộ gia đình có đổ thải bừa bãi ra đường, tạo các vũng ao tù, nước đọng	Có /không
6	<b>Có hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường</b>	Có /không

Lập bảng

**UBND Xã...**  
 (Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục 5**

Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm 20...

**Bảng tổng hợp hiện trạng các cơ sở chăn nuôi, hộ gia đình trên địa bàn  
xã.....huyện.....**

(Tính đến ngày ..... tháng ..... năm .....)

STT	Tổng số cơ sở, hộ gia đình chăn nuôi	Trong đó:				Số hộ thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường, trong đó:				Đánh giá đảm bảo vệ sinh môi trường (Đạt/không đạt)	
		Chăn nuôi heo	Chăn nuôi Gia cầm	Chăn nuôi Trâu, bò	Chăn nuôi Dê (loài khác)	Số hộ không có công trình xử lý thải trực tiếp ra môi trường (Hộ)	Số hộ có hầm Biogas (Hộ)	Số hộ có ủ phân, (Hộ)	Số hộ đệm lót sinh học,... (Hộ)	Số hộ đạt (không phát sinh mùi hôi gây ảnh hưởng môi trường xung quanh, chất thải, nước thải được thu gom, xử lý đúng quy định) (Hộ)	Số hộ chưa đạt (có phát sinh mùi hôi gây ảnh hưởng môi trường xung quanh; chất thải, nước thải trực tiếp ra môi trường) (Hộ)
1											

**Lập bảng**

**UBND xã.....**

(Ký tên, đóng dấu)